TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 523/2018/DS-ST
Ngày 19-11-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Anh Thương- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLST-DSST ngày 23 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 264/2018/QĐST-DS ngày 30/10/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị S, sinh năm: 1954;

Địa chỉ: Số 6/157, ấp T, thị trấn G, tỉnh Tây Ninh;

Địa chỉ liên lạc: Số 29, M 1, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Hợp tác xã Nuôi trồng Thuỷ sản H;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, đường T, tổ B, ấp D, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Kim N - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã;

Địa chỉ: Số 944, đường T, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nghiêm Xuân T, sinh năm: 1956; Địa chỉ: Số 29, M 1, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị S trình bày: Ngày 05/10/2007, tại Văn phòng Hợp tác xã Nuôi trồng Thuỷ sản H (đặt tại: Số 39, đường D5, phường I, quận B,

Thành phố Hồ Chí Minh) – (gọi tắt là HTX), bà có ký hợp đồng thỏa thuận số: 214/HĐ-GV với HTX (do ông Hoàng Duy Tiến L là phó chủ nhiệm HTX đại diện ký) để thỏa thuận góp vốn tham gia vào dự án làng nghề hoa, cây kiểng, cá cảnh do HTX làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng thỏa thuận, bà góp vốn diện tích đất 1.000m^2, thuộc thửa E5, bộ Địa chính xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 550.00đồng/m^2. Hình thức thanh toán chia làm 2 đợt (đợt 1: Góp 50% tổng giá trị ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng để bên A tiến hành lương lượng nhượng QSDĐ; đợt 2: Góp vốn tiếp 50% số tiền còn lại tổng giá trị hợp đồng sau khi bên A bàn giao đất sản xuất và giấy CN QSDĐ cho bên B). Sau khi ký kết hợp đồng góp vốn, bà đã góp vốn đợt 1 cho HTX với số tiền 275.000.000đồng (tương đương với 50% hợp đồng) theo phiếu thu lập ngày 19/12/2007. Kể từ khi góp vốn đến nay, HTX đã không thực hiện đúng cam kết theo các điều khoản trong hợp đồng góp vốn đã ký kết. Bà xác định việc ký hợp đồng thỏa thuận trên nhằm mục đích HTX đứng ra thỏa thuận mua đất của các hộ dân, sau đó chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho bà và bà góp vốn bằng thửa đất này vào HTX. Bà đã nhiều lần yêu cầu HTX tiếp tục thực hiện nội dung các điều khoản trong Hợp đồng góp vốn nhưng HTX trốn tránh không thực hiện.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng góp vốn ký kết ngày 05/10/2007 giữa bà với HTX H, buộc HTX H trả lại cho bà số tiền 275.000.000đ, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Hợp đồng thỏa thuận số: 214/HĐ-GV ngày 05/10/2007, Đơn xin gia nhập HTX H, phiếu thu ngày 19/12/2007, Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y bản chính).

Bị đơn Hợp tác xã Nuôi trồng Thủy sản H đã được Tòa án tống đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt HTX H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nghiêm Xuân T trình bày: Ông là chồng của bà Hồ Thị S, ông xác định số tiền 275.000.000đ mà bà S ký hợp đồng thỏa thuận góp vốn với HTX H là tài sản riêng của bà S, không liên quan đến ông, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; tại phiên Tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên hợp đồng thỏa thuận góp vốn trên vô hiệu và buộc HTX H trả cho nguyên đơn số tiền 275.000.000đ, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng góp vốn số 214/HĐ-GV ngày 05/10/2007 và giải

quyết hậu quả pháp lý của việc hủy hợp đồng giữa bà với HTX H. Căn cứ vào hợp đồng góp vốn, lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện hợp đồng góp vốn lập ngày 05/10/2007 giữa các bên là giao dịch dân sự giả tạo nhằm che giấu giao dịch dân sự về chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có trụ sở hoạt động tại xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng góp vốn giữa bà S với HTX H được ký kết vào ngày 05/10/2007 nhưng đến năm 2018 mới phát sinh tranh chấp và khởi kiện tại Tòa án. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện của vụ án theo quy định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về tư cách tham gia tố tụng: Bị đơn HTX H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt HTX H.

Nguyên đơn đơn bà Hồ Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt do bà bị bệnh và đang điều trị bệnh nên không thể đến tham dự phiên Tòa; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà S và tiến hành xét xử vắng mặt bà.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng góp vốn số 214/HĐ-GV ngày 05/10/2007 giữa các bên và yêu cầu HTX H trả lại số tiền đã nhận là 275.000.000đ, yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Vào ngày 05/10/2007 bà Hồ Thị S có ký hợp đồng thỏa thuận góp vốn số 214/HĐ-GV, tham gia vào dự án làng nghề hoa, cây kiểng, cá cảnh do HTX H làm chủ đầu tư; thực hiện hợp đồng, bà S đã giao đủ 50% giá trị hợp đồng là 275.000.000đ. Từ lúc ký thỏa thuận cho đến nay phía HTX H không giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn cũng không trả lại tiền cho nguyên đơn như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử nhận định việc ký kết hợp đồng thỏa thuận và giao nhận tiền giữa bà S với bị đơn HTX H là có thật. Đại diện HTX H là ông Nguyễn Duy Tiến L (Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã) đã ký kết và thu tiền của bà S theo phiếu thu lập ngày 19/12/2007 và đóng dấu pháp nhân HTX H.

Căn cứ vào lời khai của bà S trong quá trình giải quyết vụ án và toàn bộ tài liệu, chứng cứ thu thập được, xét thấy: Hợp đồng góp vốn giữa các bên là giả cách nhằm mục đích che đậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đối tượng trong giao dịch hợp đồng góp vốn ký kết giữa các bên là quyền sử dụng đất thuộc Bộ địa chính xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nằm dự án làng nghề hoa, cây kiểng, cá cảnh do HTX H làm chủ đầu tư nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho HTX H và bà S tại thời điểm giao kết hợp đồng góp vốn. Các bên ký hợp

đồng góp vốn để HTX H đứng ra nhận chuyển nhượng đất của người dân, sau đó có trách nhiệm ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà S, để bà S góp vốn vào HTX H bằng quyền sử dụng đất đó.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, HTX H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt HTX H căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Từ những phân tích trên; Căn cứ Điều 122, 127, 129, 137, 691, 699, 717 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 62, 106 Luật Đất đai năm 2003; Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hợp đồng thỏa thuận góp vốn số 214/HĐ-GV, lập ngày 05/10/2007 giữa các bên đã bị vô hiệu tại thời điểm ký kết; Xét thấy cần chấp chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S: Tuyên bố hợp đồng thỏa thuận góp vốn số 214/HĐ-GV, lập ngày 05/10/2007 giữa các bên vô hiệu, buộc HTX H trả lại cho bà S số tiền đã nhận là 275.000.000đ, trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, Hội đồng xét xử nghi nhận.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc HTX H phải phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 122, 127, 129, 137, 691, 699, 727 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 62, 106 Luật Đất đai năm 2003;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị S;

Hợp đồng góp vốn số: 214/HĐ-GV lập ngày 05/10/2007 giữa bà Hồ Thị S với Hợp tác xã Nuôi trồng Thủy sản H là vô hiệu. Buộc Hợp tác xã Nuôi trồng Thủy sản H có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị S số tiền 275.000.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hợp tác xã Nuôi trồng Thủy sản H có trách nhiệm trả lãi cho bà S, với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 13.750.000đ (mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) buộc Hợp tác xã Nuôi trồng Thủy sản H phải nộp.

Hoàn số tiền tạm ứng án phí là 6.875.000đ (sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho bà Hồ Thị S, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008227 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn,bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan